

Bản án số: 123/2019/DS-ST
Ngày 26 - 9 - 2019
V/v tranh hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH TongWei ĐT; địa chỉ trụ sở: Lô IV 1,2,5 khu A1, khu công nghiệp SĐ, phường AH, thành phố SĐ, tỉnh ĐT.

Người đại diện hợp pháp: Ông Chen Ping F, sinh năm 1965 – Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật; cư trú tại: Lô B2 1 – 7, khu công nghiệp TH, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Chen Ping F: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1984 – Nhân viên Phòng Hành chính – Nhân sự công ty TongWei Việt Nam là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2019 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Tấn S, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp TH, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị T; cư trú tại: Ấp TH, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TongWei ĐT trình bày: Anh Dương Tấn S và chị Phạm Thị T là vợ chồng cùng nhau nuôi và mua bán thức ăn thủy sản. Tại hợp đồng đại lý số TWDT2019-KDT-008 ngày 01/01/2019 và phụ lục hợp đồng đại lý kèm theo giữa công ty với anh Sơn thể hiện: Anh S làm đại lý phân phối mặt hàng thức ăn tôm cho TongWei ĐT từ ngày 01/01/2019 đến ngày

31/12/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã giao hàng cho anh S, chị T nhưng anh S, chị T đã vi phạm hợp đồng là sau khi lấy hàng đã không thanh toán công nợ đầy đủ cho công ty. Đến cuối tháng 02/2019, anh S, chị T không còn bán thức ăn tôm của công ty và hiện còn nợ công ty số tiền 378.548.500đ chưa thanh toán. Công ty đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh S, chị T không thực hiện việc thanh toán nợ cho công ty.

Nay công ty yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi giải quyết buộc anh S và chị T trả số tiền nợ gốc 378.548.500đ, tiền lãi tính từ tháng 3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, (tiền lãi tạm tính từ tháng 3/2019 đến ngày khởi kiện: là $378.548.500đ \times 0,75\% \times 5 \text{ tháng} = 14.195.568đ$).

Chị Phạm Thị T trình bày: Chị thừa nhận anh S có ký hợp đồng phân phối, mua bán thức ăn tôm với công ty TNHH TongWei ĐT. Tuy nhiên, chị không biết cụ thể việc giao dịch giữa hai bên cũng như số tiền còn nợ lại công ty là bao nhiêu. Nay chị cũng đồng ý trả nợ cho công ty TNHH TongWei ĐT.

Đối với anh Dương Tân S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Anh C yêu cầu anh S, chị T trả tiền vốn 378.548.500đ – 30.162.000đ = 348.386.500đ, không yêu cầu anh S, chị T trả tiền lãi chậm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TongWei ĐT khởi kiện yêu cầu anh Dương Tấn S, chị Phạm Thị T trả tiền mua thức ăn tôm còn nợ là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh S, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S, chị T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của TongWei, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty TNHH TongWei ĐT với anh S có ký kết hợp đồng mua bán là thực tế có xảy ra. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến cuối tháng 02/2019 anh S, chị T không còn bán thức ăn tôm của công ty, nhưng chưa thanh toán nợ cho công ty với số tiền được hai bên đối chiếu công nợ là 378.548.500đ. Tại phiên tòa, đại diện công ty yêu cầu anh S, chị T trả số tiền vốn 348.386.500đ.

[4] Tuy nhiên, anh S không đồng ý với yêu cầu của TongWei ĐT, bởi vì anh xác định TongWei còn khoản tiền chiết khấu chưa thanh toán cho anh là 30.900.000đ và $10.400kg \times 11.700đ = 121.680.000đ$. Xét thấy: Số tiền chiết khấu mà anh S đặt ra thì đại diện TongWei không thừa nhận. Mặt khác, tại đơn tiền chiết khấu ngày 05/9/2019 của anh S thể hiện hai khoản tiền chiết khấu anh S yêu cầu thuộc năm 2018. Còn theo đơn khởi kiện của TongWei thì TongWei yêu cầu

anh S và chị T thanh toán khoản tiền nợ được đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 theo hợp đồng đại lý ngày 01/01/2019. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện TongWei xác định tại phụ lục hợp đồng đại lý ngày 01/01/2019 thể hiện số tiền chiết khấu TongWei đã thanh toán đầy đủ cho anh S, chỉ còn chiết khấu uy tín và chiết khấu quý với số tiền 30.162.000đ. Tuy nhiên, TongWei vẫn đồng ý trừ khoản tiền này cho anh S. Như vậy, số tiền nợ của anh S còn lại là $378.548.500đ - 30.162.000đ = 348.386.500đ$.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù hợp đồng chỉ được ký kết giữa TongWei với anh S, nhưng trong thời gian ký kết, thực hiện hợp đồng cho đến nay thì giữa anh S và chị T tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, anh S và chị T phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ nêu trên cho TongWei ĐT là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu của TongWei ĐT về lãi suất chậm thanh toán, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa đại diện TongWei rút lại yêu cầu tính lãi chậm thanh toán. Xét thấy: Việc rút yêu cầu của đại diện TongWei là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Đối với khoản tiền chiết khấu năm 2018 mà anh S đặt ra, trường hợp sau này anh S có tài liệu, chứng cứ chứng minh thì anh có quyền khởi kiện đối với TongWei Đồng Tháp bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của TongWei ĐT, buộc anh S và chị T phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền nợ cho TongWei ĐT.

[9] Xét về án phí dân sự: Anh S, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: $348.386.500đ \times 5\% = 17.419.000đ$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; khoản 2 Điều 244; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TongWei ĐT.

1. Buộc anh Dương Tấn S và chị Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TongWei ĐT số tiền là 348.386.500 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

2. Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TongWei ĐT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Dương Tấn S và chị Phạm Thị T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh S, chị T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TongWei ĐT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho công ty TNHH TongWei ĐT 9.519.000 đồng (chín triệu năm trăm mười chín ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009691 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Anh Dương Tấn S và chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.419.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm mười chín ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh